

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-38

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán APG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo giấy phép điều chỉnh này, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán APG.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch	
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên	
Bà Mai Thanh Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2019
Ông Võ Quý Lâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2019
Bà Nguyễn Thị Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2019
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/04/2019
Ông Nguyễn Hải Sơn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2019

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020



Số: 300320.014/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán APG tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020*

---

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>146.775.525.459</b>	<b>146.140.333.351</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>144.358.086.020</b>	<b>139.985.432.972</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.544.325.537	5.844.517.279
111.1	1.1 Tiền		1.544.325.537	5.844.517.279
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	50.453.956.700	30.758.796.250
114	3. Các khoản cho vay	5	19.963.452.216	16.554.797.805
117	4. Các khoản phải thu	6	14.545.123.611	26.396.621
117.2	4.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		14.545.123.611	26.396.621
117.3	4.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		14.545.123.611	26.396.621
118	5. Trả trước cho người bán		57.702.600.000	51.488.016.500
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	148.627.956	34.843.154.613
122	7. Các khoản phải thu khác	6	-	797.750.904
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		-	(327.997.000)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.417.439.439</b>	<b>6.154.900.379</b>
131	1. Tạm ứng		2.283.582.810	6.045.420.810
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	8	73.860.000	-
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	48.475.419	71.906.263
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	5.200.000	5.200.000
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	32.373.306
137	6. Tài sản ngắn hạn khác		6.321.210	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>239.319.545.735</b>	<b>3.160.585.993</b>
<b>210</b>	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>234.570.000.000</b>	<b>1.083.320.362</b>
212	1. Các khoản đầu tư	11	234.570.000.000	1.350.000.000
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		234.570.000.000	-
212.4	1.2 Đầu tư dài hạn khác		-	1.350.000.000
213	1.3 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		-	(266.679.638)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.596.834.491</b>	<b>20.684.333</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	324.491.750	17.684.333
222	- Nguyên giá		5.429.496.446	5.090.663.446
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.105.004.696)	(5.072.979.113)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	2.272.342.741	3.000.000
228	- Nguyên giá		5.972.296.230	3.596.296.230
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.699.953.489)	(3.593.296.230)
<b>250</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.152.711.244</b>	<b>2.056.581.298</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	47.310.000	47.310.000
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	2.105.401.244	2.009.271.298
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>386.095.071.194</b>	<b>149.300.919.344</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.730.581.804</b>	<b>3.817.120.236</b>
310	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>10.330.581.804</b>	<b>3.817.120.236</b>
316	1. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	1.070.000.000	-
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		57.550.000	-
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.534.500.000	650.000.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.375.690.610	2.891.589.616
323	5. Phải trả người lao động		187.626.400	171.345.380
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		31.300.000	104.185.240
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		73.914.795	-
340	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>1.400.000.000</b>	-
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	15	1.400.000.000	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>374.364.489.390</b>	<b>145.483.799.108</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>374.364.489.390</b>	<b>145.483.799.108</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		340.289.000.000	135.289.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		340.289.000.000	135.289.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		340.289.000.000	135.289.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		306.000.000	306.000.000
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		445.000.000	445.000.000
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		33.324.489.390	9.443.799.108
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		34.102.232.909	10.238.903.077
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(777.743.519)	(795.103.969)
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>386.095.071.194</b>	<b>149.300.919.344</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	18	1.021.940.000	1.021.940.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	19	20.360.000.000	15.650.000.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	20	250.106.360.000	134.831.660.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		245.310.910.000	60.110.660.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		4.150.000	-
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		-	72.000.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		4.791.300.000	2.721.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	21	10.600.000.000	4.000.900.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.600.000.000	4.000.900.000
026	3. Tiền gửi của khách hàng	22	539.692.977	326.099.024
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		539.692.977	326.099.024
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23	539.692.977	326.099.024
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		539.692.977	326.099.024

  
Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

  
Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng

  
Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	25.112.950	2.697.402.324
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	25.a)	714.932.222
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	25.b)	1.978.274.977
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	25.c)	4.195.125
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.c)	14.335.847.000
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	25.c)	325.974.039
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		8.360.897.149
08	1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		1.288.768.681
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.000.000.000
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		93.147.059
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>130.526.465.739</b>	<b>16.681.351.578</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	60.096.092.000	2.063.503.349
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	25.a)	445.096.610
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	25.b)	1.618.406.739
22	2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		825.000
24	2.3	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		32.528.543.981
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		712.666.713
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		463.703.749
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		127.897.400
32	2.7	Chi phí các dịch vụ khác		-
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>95.478.790.099</b>	<b>3.127.043.043</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		120.027.499
50		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>120.027.499</b>	<b>97.182.675</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	27		
52	4.1 Chi phí lãi vay		73.914.795	-
54	4.2 Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		(266.679.638)	51.533.071
55	4.3 Chi phí tài chính khác		1.340.000.000	-
60	Cộng chi phí tài chính		1.147.235.157	51.533.071
62	<b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	28	4.081.313.804	4.584.918.912
70	<b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		29.939.154.178	9.015.039.227
	<b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	7.1 Thu nhập khác		26.171.695	500.000
72	7.2 Chi phí khác	29	116.398.146	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(90.226.451)	500.000
90	<b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		29.848.927.728	9.015.539.227
91	8.1 Lợi nhuận đã thực hiện		29.831.567.278	8.655.670.989
92	8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		17.360.450	359.868.238
100	<b>IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	30	5.968.237.446	1.734.221.492
100.1	9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.968.237.446	1.734.221.492
200	<b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<u>23.880.690.282</u>	<u>7.281.317.735</u>
500	<b>XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	31	729	538

*Nguyễn Thanh Nghị*

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

*Nguyễn Thanh Nghị*

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



*Trần Thiên Hà*  
Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		29.848.927.728	9.015.539.227
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		31.014.434.481	(208.027.074)
03	- Khấu hao tài sản cố định		138.682.842	78.350.698
04	- Các khoản dự phòng		32.261.864.343	(189.195.097)
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.460.027.499)	(97.182.675)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(234.569.988.000)	1.618.406.739
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		12.000	1.618.406.739
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(17.372.450)	(1.978.274.977)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(17.372.450)	(1.978.274.977)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(35.451.388.000)	(12.424.277.352)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(19.654.786.155)	(3.638.764.812)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(3.408.654.411)	(10.514.636.393)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(14.518.726.990)	(24.419.121)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1.829.092.452	(1.527.489.511)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		3.591.848.054	(5.932.570.376)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		23.430.844	(6.108.662)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.372.616.229)	(971.174.000)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(2.602.975.331)	10.511.983.500
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(72.885.240)	104.185.240
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(79.146.918)	232.422.307
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		16.281.020	171.345.380
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		73.914.795	(31.300.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(209.175.386.241)	(3.976.633.437)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.714.833.000)	-
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		120.027.499	97.182.675
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.594.805.501)	97.182.675



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		205.000.000.000	-
76	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(6.477.502.000)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>207.470.000.000</i>	<i>(6.477.502.000)</i>
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>(4.300.191.742)</b>	<b>(10.356.952.762)</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>5.844.517.279</b>	<b>16.201.470.041</b>
101.1	- Tiền		5.844.517.279	16.201.470.041
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>1.544.325.537</b>	<b>5.844.517.279</b>
103.1	- Tiền		1.544.325.537	5.844.517.279

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020



**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		232.113.092.400	393.627.190.500
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(253.137.645.000)	(365.626.340.500)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		194.209.989.760	212.699.316.849
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(172.595.646.447)	(240.782.220.904)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(376.196.761)	(93.147.059)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.190.227.722	2.772.539.058
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.190.227.722)	(2.772.539.058)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>213.593.953</b>	<b>(175.201.114)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>326.099.024</b>	<b>501.300.138</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		326.099.024	501.300.138
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		326.099.024	501.300.138
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>		<b>539.692.977</b>	<b>326.099.024</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		539.692.977	326.099.024
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		539.692.977	326.099.024

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2018		01/01/2019		31/12/2018		31/12/2019	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000	-	-	205.000.000.000	-	135.289.000.000	340.289.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)		135.289.000.000	135.289.000.000	-	-	205.000.000.000	-	135.289.000.000	340.289.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		306.000.000	306.000.000	-	-	-	-	306.000.000	306.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		445.000.000	445.000.000	-	-	-	-	445.000.000	445.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		8.639.983.373	9.443.799.108	7.281.317.735	6.477.502.000	23.880.690.282	-	9.443.799.108	33.324.489.390
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		9.794.935.580	10.238.903.077	6.921.449.497	6.477.502.000	23.863.329.832	-	10.238.903.077	34.102.232.909
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(1.154.972.207)	(795.103.969)	359.868.238	-	17.360.450	-	(795.103.969)	(777.743.519)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>144.679.983.373</b>	<b>145.483.799.108</b>	<b>7.281.317.735</b>	<b>6.477.502.000</b>	<b>228.880.690.282</b>	<b>-</b>	<b>145.483.799.108</b>	<b>374.364.489.390</b>

(\*) Trong quý I năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ dưới hình thức chào bán riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 04/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 06/03/2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/05/2018/NQ-HĐQT ngày 15/05/2018 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Tổng số cổ phiếu đã chào bán là 20.500.000 cổ phiếu, thu ròng từ đợt chào bán là 205.000.000.000 đồng.

*(Signature)*

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2019*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo giấy phép điều chỉnh này, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán APG.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 340.289.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 340.289.000.000 đồng; tương đương 34.028.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 với mã giao dịch là APG (từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 đến ngày 22 tháng 11 năm 2016 cổ phiếu của Công ty giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

*a) Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), HTM, các khoản cho vay và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*b) Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.



**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

*c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).



Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## 2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

## 2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

## 2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

**2.9 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.10 . Doanh thu, thu nhập**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.



Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

*Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh*

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

**2.11 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.12 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

**2.13 . Các khoản thuế**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

**2.14 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.15 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.16 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	<b>11.335.580</b>	<b>378.154.814.000</b>
- Cổ phiếu	8.987.580	143.354.814.000
- Trái phiếu	2.348.000	234.800.000.000
Của nhà đầu tư	<b>57.062.750</b>	<b>507.055.737.400</b>
- Cổ phiếu	57.062.750	507.055.737.400
	<b>68.398.330</b>	<b>885.210.551.400</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	984.605.686	328.885.046
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	559.719.851	5.515.632.233
	<b>1.544.325.537</b>	<b>5.844.517.279</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	933.864.769	156.156.700	933.864.769	138.796.250
Cổ phiếu chưa niêm yết	50.297.800.000	50.297.800.000	30.620.000.000	30.620.000.000
	<b>51.231.664.769</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>31.553.864.769</b>	<b>30.758.796.250</b>

**b) Các khoản cho vay**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Hoạt động margin	16.483.673.329	16.116.500.000
Hoạt động ứng trước tiền bán	3.479.778.887	438.297.805
	<b>19.963.452.216</b>	<b>16.554.797.805</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 22 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)**

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FVTPL</b>										
- Sản phẩm Minh	51.231.664.769	31.553.864.769	50.453.956.700	30.758.796.250	17.766.800	394.350	(795.510.319)	(795.498.319)	50.453.956.700	30.758.796.250
- VND	139.269	139.269	545.200	461.150	473.200	379.150	(108.919)	(98.919)	545.200	461.150
- Cổ phiếu lẻ	-	-	72.000	82.000	-	-	(67.269)	(57.269)	72.000	82.000
- Sản Upcom	933.725.500	933.725.500	473.200	379.150	473.200	379.150	(41.650)	(41.650)	473.200	379.150
- NGS	788.725.500	788.725.500	155.611.500	138.335.100	17.293.600	15.200	(795.401.400)	(795.399.400)	155.611.500	138.335.100
- BLS	145.000.000	145.000.000	44.017.000	35.213.600	8.803.400	-	(733.511.900)	(733.511.900)	44.017.000	35.213.600
- Cổ phiếu lẻ	-	-	111.587.500	103.112.500	8.473.000	-	(41.887.500)	(41.887.500)	111.587.500	103.112.500
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	7.000	9.000	15.200	15.200	(2.000)	-	7.000	9.000
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DPCK)	50.297.800.000	30.620.000.000	50.297.800.000	30.620.000.000	-	-	-	-	50.297.800.000	30.620.000.000
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam (PVC)	320.000.000	320.000.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí (PXY)	105.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	105.000.000	105.000.000
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam (PVC)	-	20.145.000.000	-	20.145.000.000	-	-	-	-	-	20.145.000.000
- Công ty CP Thương Quốc Tế (TQT)	-	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-	-	-	-	-	10.050.000.000
- Công ty CP Đầu tư Đông Á (DAU)	49.872.800.000	-	49.872.800.000	-	-	-	-	-	49.872.800.000	-
	<b>51.231.664.769</b>	<b>31.553.864.769</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>30.758.796.250</b>	<b>17.766.800</b>	<b>394.350</b>	<b>(795.510.319)</b>	<b>(795.498.319)</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>30.758.796.250</b>

**Ghi chú:**

(\*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2019.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.



**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	4.195.125	4.195.125
Phải thu lãi của Trái phiếu chưa niêm yết	14.335.847.000	-
Phải thu lãi hoạt động Margin	205.081.486	21.757.275
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	-	444.221
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	148.627.956	34.843.154.613
- Phải thu Nhà đầu tư về hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (*)	-	32.865.434.205
- Phải thu Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	148.627.956	102.070.408
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	-	1.875.650.000
Phải thu khác	-	797.750.904
- Phải thu lãi của các khoản ứng trước cho người bán	-	797.750.904
	<b>14.693.751.567</b>	<b>35.667.302.138</b>

(\*) Công ty đã thực hiện xóa nợ đối với khoản phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ tồn tại từ năm 2010 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 05/08/2019.

**7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu (1)	28.380.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Mỹ Hoa (2)	16.650.000.000	-
Bà Trần Thị Thanh Hoa (3)	12.540.000.000	-
Công ty TNHH Vàng An Phát	-	29.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Mỹ Hoa	-	22.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	132.600.000	488.016.500
	<b>57.702.600.000</b>	<b>51.488.016.500</b>

**Thông tin chi tiết về các khoản ứng trước:**

(1): Hợp đồng ứng trước mua cổ phiếu, trái phiếu số 01311/2019/APG-HĐĐC ngày 13/11/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Ứng trước tiền mua 450.000 trái phiếu HCMA1805;
- Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/03/2020.

(2): Hợp đồng ứng trước mua cổ phiếu, trái phiếu số 01111/2019/APG-HĐKT ký ngày 1/11/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Ứng trước tiền mua 333.000 trái phiếu HCMB18240;
- Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/03/2020.

(3): Hợp đồng ứng trước mua cổ phiếu, trái phiếu số 2910/2019/APG-HĐĐC ngày 29/10/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Ứng trước tiền mua 250.000 trái phiếu TD1833130;
- Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/03/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	73.860.000	-
	<b>73.860.000</b>	<b>-</b>

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	23.170.391
Chi phí thuê văn phòng	48.475.419	48.735.872
	<b>48.475.419</b>	<b>71.906.263</b>

**10 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**

**a) Ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc mua nước uống	5.200.000	5.200.000
	<b>5.200.000</b>	<b>5.200.000</b>

**b) Dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà	37.310.000	37.310.000
	<b>47.310.000</b>	<b>47.310.000</b>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	234.570.000.000	-
- Trái phiếu Than Quốc tế (*)	234.570.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	1.083.320.362
- Đầu tư dài hạn khác (Công ty CP Đầu tư Sức khỏe Việt) (**)	-	1.350.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(266.679.638)
	<b>234.570.000.000</b>	<b>1.083.320.362</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang nắm giữ 23.457 trái phiếu Công ty Cổ phần Than Quốc tế; Mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu; kỳ hạn 60 tháng; lãi suất trái phiếu: 7% cho 24 tháng đầu tiên và 9% cho 36 tháng tiếp

(\*\*) Trong năm Công ty thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Sức Khỏe Việt theo nghị quyết hội đồng quản trị ngày 05/08/2019.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2019	5.090.663.446
Mua trong năm	338.833.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5.429.496.446</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2019	5.072.979.113
Khấu hao trong năm	32.025.583
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5.105.004.696</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2019	17.684.333
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>324.491.750</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2019	3.596.296.230
Mua trong năm	2.376.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5.972.296.230</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2019	3.593.296.230
Khấu hao trong năm	106.657.259
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>3.699.953.489</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2019	3.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>2.272.342.741</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**14 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.868.458.676	1.792.307.609
Tiền lãi phân bổ trong năm	116.942.568	96.963.689
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.105.401.244</b>	<b>2.009.271.298</b>

**15 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	1.070.000.000	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.400.000.000	-
	<b>2.470.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Tại ngày 31/12/2019, trái phiếu phát hành ngắn hạn của Công ty bao gồm 107 trái phiếu mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 13%/năm; Trái phiếu dài hạn của Công ty bao gồm 140 trái phiếu mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 13%/năm.

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	51.301.771	121.383.285
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.177.656.543	1.582.035.326
Thuế Thu nhập cá nhân	1.140.691.593	1.180.095.642
Các loại thuế khác	6.040.703	8.075.363
	<b>7.375.690.610</b>	<b>2.891.589.616</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Hồ Hưng	5,62%	19.112.900.000	5,60%	7.575.000.000
Ông Trần Thiên Hà	0,00%		5,63%	7.620.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,00%		6,12%	8.284.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện IDC	0,00%		13,47%	18.225.800.000
Các cổ đông khác	94,38%	321.176.100.000	69,18%	93.584.200.000
	<b>100%</b>	<b>340.289.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>135.289.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	34.102.232.909	10.238.903.077
Lợi nhuận chưa thực hiện	(777.743.519)	(795.103.969)
	<b>33.324.489.390</b>	<b>9.443.799.108</b>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	10.238.903.077	9.794.955.580
Lãi/Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(777.743.519)	(795.103.969)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	23.863.329.832	6.921.449.497
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	34.102.232.909	16.716.405.077
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	-	(6.477.502.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	<b>34.102.232.909</b>	<b>10.238.903.077</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	31/12/2019	01/01/2019
<b>d) Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.028.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.028.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	34.028.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.028.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	34.028.900	13.528.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>18 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.021.940.000	1.021.940.000
	<b>1.021.940.000</b>	<b>1.021.940.000</b>
<b>19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	20.360.000.000	15.650.000.000
	<b>20.360.000.000</b>	<b>15.650.000.000</b>
<b>20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	245.310.910.000	60.110.660.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	4.150.000	-
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	72.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.791.300.000	2.721.000.000
	<b>250.106.360.000</b>	<b>134.831.660.000</b>
<b>21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	10.600.000.000	4.000.900.000
	<b>10.600.000.000</b>	<b>4.000.900.000</b>
<b>22 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	539.692.977	326.099.024
1. Nhà đầu tư trong nước	539.692.977	326.099.024
	<b>539.692.977</b>	<b>326.099.024</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**23 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	539.692.977	326.099.024
1.1 Nhà đầu tư trong nước	539.692.977	326.099.024
	<u>539.692.977</u>	<u>326.099.024</u>

**24 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	16.688.754.815	16.138.257.275
1.1 Phải trả gốc margin	16.483.673.329	16.116.500.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	16.483.673.329	16.116.500.000
1.2 Phải trả lãi margin	205.081.486	21.757.275
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	205.081.486	21.757.275
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.479.778.887	438.742.026
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.479.778.887	438.297.805
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	3.479.778.887	438.297.805
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	444.221
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	444.221
	<u>20.168.533.702</u>	<u>16.576.999.301</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**25 . THU NHẬP**

**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết							
- MBB	60.000	1.731.742.000	2.012.822.000	-	281.080.000	714.932.222	445.096.610
- VMC	48.290	1.258.500.000	1.443.000.000	-	184.500.000	-	-
- AMD	-	473.242.000	569.822.000	-	96.580.000	-	-
- VND	-	-	-	-	-	-	1.170.000
- TDG	-	-	-	-	-	126.788.352	-
Cổ phiếu chưa niêm yết							
- PVIC	1.000.000	28.625.000.000	88.440.000.000	-	59.815.000.000	588.143.870	443.926.610
- TQT	750.000	1.000.000.000	25.500.000.000	-	24.500.000.000	-	-
- TTG (*)	2.400.000	7.125.000.000	10.050.000.000	-	2.925.000.000	-	-
		20.500.000.000	52.890.000.000	-	32.390.000.000	-	-
		<b>30.356.742.000</b>	<b>90.452.822.000</b>		<b>60.096.080.000</b>	<b>714.932.222</b>	<b>445.096.610</b>

(\*) Trong năm Công ty mua 2.050.000 cổ phiếu TTG của Công ty CP Khoáng sản Tây Giang Cao Bằng với giá 25.800 đồng/cổ phiếu và bán 2.050.000 cổ phiếu này với giá 10.000 đồng/cổ phiếu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

b) - **Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2019		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2019		Chênh lệch điều chỉnh số kê toán	
	VND	VND	VND	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
<b>FVTPL</b>	<b>51.231.664.769</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>17.766.800</b>	<b>(795.510.319)</b>	<b>394.350</b>	<b>(795.498.319)</b>	<b>17.372.450</b>	<b>(12.000)</b>	<b>17.372.450</b>	<b>(12.000)</b>
- Cổ phiếu niêm yết	139.269	545.200	473.200	(108.919)	379.150	(98.919)	94.050	(10.000)	94.050	(10.000)
- VND	139.269	72.000	-	(67.269)	-	(57.269)	-	(10.000)	-	(10.000)
- Cổ phiếu lẻ	-	473.200	473.200	(41.650)	379.150	(41.650)	94.050	-	94.050	-
Cổ phiếu Upcom	933.725.500	155.611.500	17.293.600	(795.401.400)	15.200	(795.399.400)	17.278.400	(2.000)	17.278.400	(2.000)
- NOS	788.725.500	44.017.000	8.803.400	(753.511.900)	-	(753.511.900)	8.803.400	-	8.803.400	-
- BLI	145.000.000	111.587.500	8.475.000	(41.887.500)	-	(41.887.500)	8.475.000	-	8.475.000	-
- Cổ phiếu lẻ	-	7.000	15.200	(2.000)	15.200	-	-	(2.000)	-	(2.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết	50.297.800.000	50.297.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt(DVCK)	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí (PXV)	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Đông Á (DAU)	49.872.800.000	49.872.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>51.231.664.769</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>17.766.800</b>	<b>(795.510.319)</b>	<b>394.350</b>	<b>(795.498.319)</b>	<b>17.372.450</b>	<b>(12.000)</b>	<b>17.372.450</b>	<b>(12.000)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, và phải thu khác		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	7.740.500	4.195.125
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	14.335.847.000	-
Từ các khoản cho vay	325.974.039	8.360.897.149
	<b>14.669.561.539</b>	<b>8.365.092.274</b>
<b>26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	120.027.499	97.182.675
	<b>120.027.499</b>	<b>97.182.675</b>
<b>27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	73.914.795	-
Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư khác	1.340.000.000	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(266.679.638)	51.533.071
	<b>1.147.235.157</b>	<b>51.533.071</b>
<b>28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.608.794.994	2.316.807.900
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	230.485.539	192.713.386
Chi phí công cụ, dụng cụ	116.605.350	27.609.609
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	160.668.038	78.350.698
Chi phí thuế, phí và lệ phí	96.845.000	19.631.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	625.116.297	1.356.283.828
Chi phí khác	242.798.586	593.521.897
	<b>4.081.313.804</b>	<b>4.584.918.912</b>
<b>29 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	116.398.146	-
	<b>116.398.146</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.848.927.728	9.015.539.227
Các khoản điều chỉnh tăng	(17.360.450)	1.638.038.333
- Chi phí không hợp lệ	-	19.631.594
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(17.360.450)	1.618.406.739
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.740.500)	(1.982.470.102)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.740.500)	(4.195.125)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(1.978.274.977)
Thu nhập chịu thuế TNDN	29.823.826.778	8.671.107.458
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.968.237.446</b>	<b>1.734.221.492</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.582.035.326	818.987.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.372.616.229)	(971.174.000)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>6.177.656.543</b>	<b>1.582.035.326</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	23.880.690.282	7.281.317.735
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.880.690.282	7.281.317.735
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.737.119	13.528.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>729</b>	<b>538</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc/Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.544.325.537	-	5.844.517.279	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	50.453.956.700	-	30.758.796.250	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	234.570.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay	19.963.452.216	-	16.554.797.805	-
Các khoản phải thu	14.693.751.567	-	35.667.302.138	(327.997.000)
	<b>321.225.486.020</b>	<b>-</b>	<b>88.825.413.472</b>	<b>(327.997.000)</b>
			31/12/2019	01/01/2019
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			VND	VND
Trái phiếu phát hành			2.470.000.000	-
			<b>2.470.000.000</b>	<b>-</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do tính không chắc chắn về giá tương lai của tài sản tài chính.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	50.453.956.700	-	-	50.453.956.700
	<u>50.453.956.700</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>50.453.956.700</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	30.758.796.250	-	-	30.758.796.250
	<u>30.758.796.250</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>30.758.796.250</u>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu lãi tài sản tài chính) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.544.325.537	-	-	1.544.325.537
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	234.570.000.000	-	234.570.000.000
Các khoản cho vay	19.963.452.216	-	-	19.963.452.216
Các khoản phải thu	14.693.751.567	-	-	14.693.751.567
	<u>36.201.529.320</u>	<u>234.570.000.000</u>	<u>-</u>	<u>270.771.529.320</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.844.517.279	-	-	5.844.517.279
Các khoản cho vay	16.554.797.805	-	-	16.554.797.805
Các khoản phải thu	35.339.305.138	-	-	35.339.305.138
	<u>57.738.620.222</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>57.738.620.222</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Trái phiếu phát hành	1.070.000.000	1.400.000.000	-	2.470.000.000
	<u>1.070.000.000</u>	<u>1.400.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.470.000.000</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG  
 HỒ SƠ TÀI CHÍNH  
 NGÀY 31/12/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**  
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	719.206.750	14.360.959.950	115.446.299.039	130.526.465.739
Chi phí hoạt động	1.725.611.578	60.096.092.000	33.657.086.521	95.478.790.099
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	120.027.499
Chi phí không phân bổ	-	-	-	5.228.548.961
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>(1.006.404.828)</b>	<b>(45.735.132.050)</b>	<b>81.789.212.518</b>	<b>29.939.154.178</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.105.401.244	50.453.956.700	34.299.299.216	86.858.657.160
Tài sản không phân bổ	-	-	-	299.236.414.034
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.105.401.244</b>	<b>50.453.956.700</b>	<b>34.299.299.216</b>	<b>386.095.071.194</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.660.660.010
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.660.660.010</b>
<b>Theo khu vực địa lý</b>				

Hoạt động kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	561.951.000	561.951.000

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

